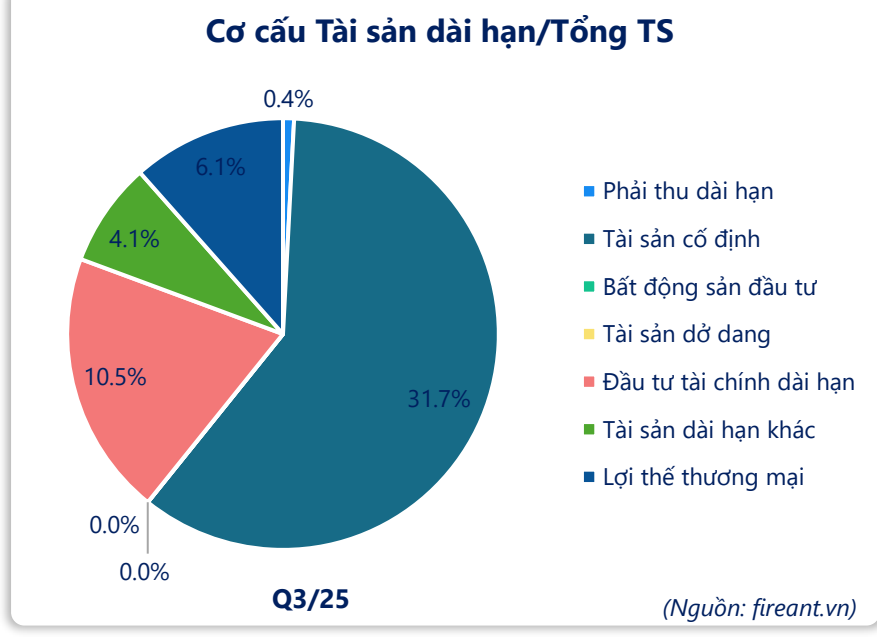
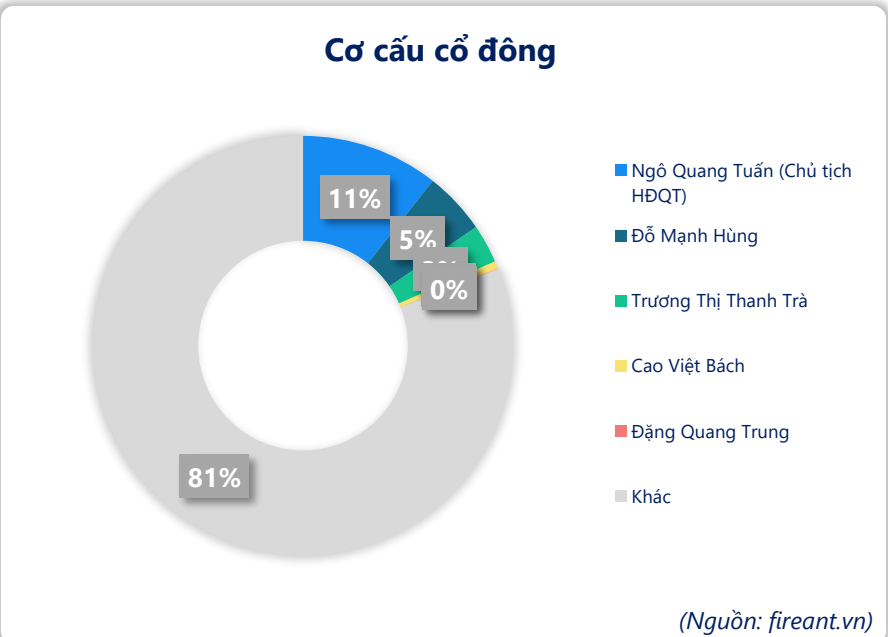
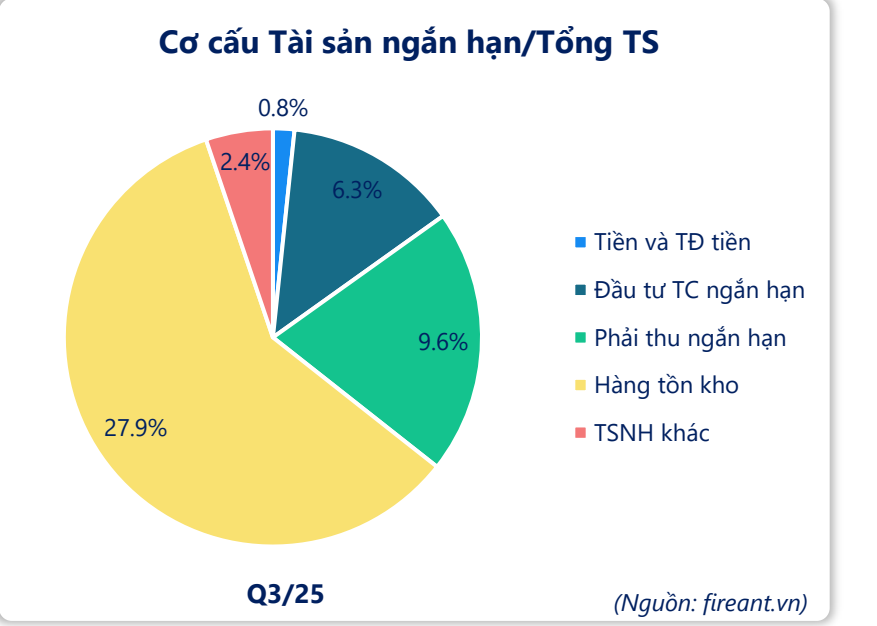
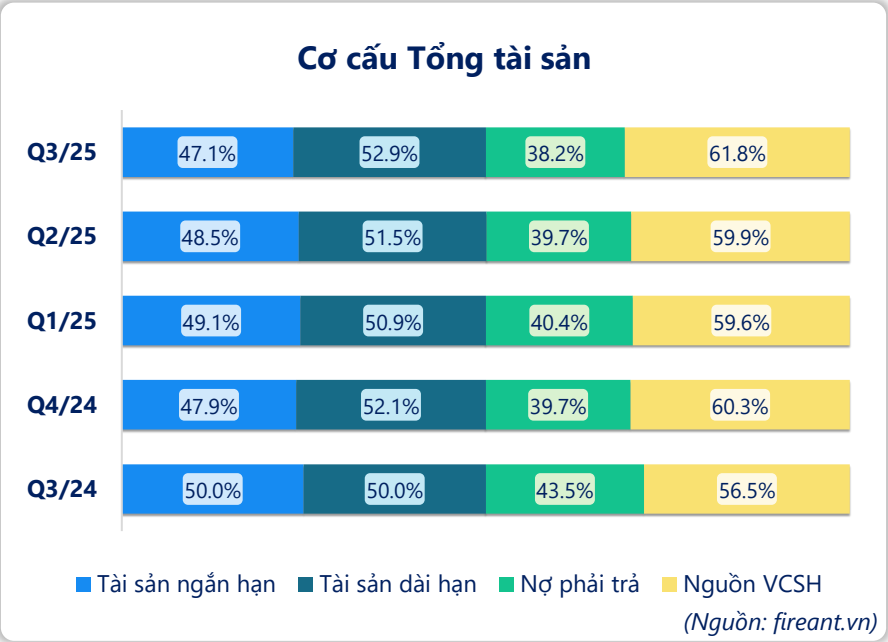
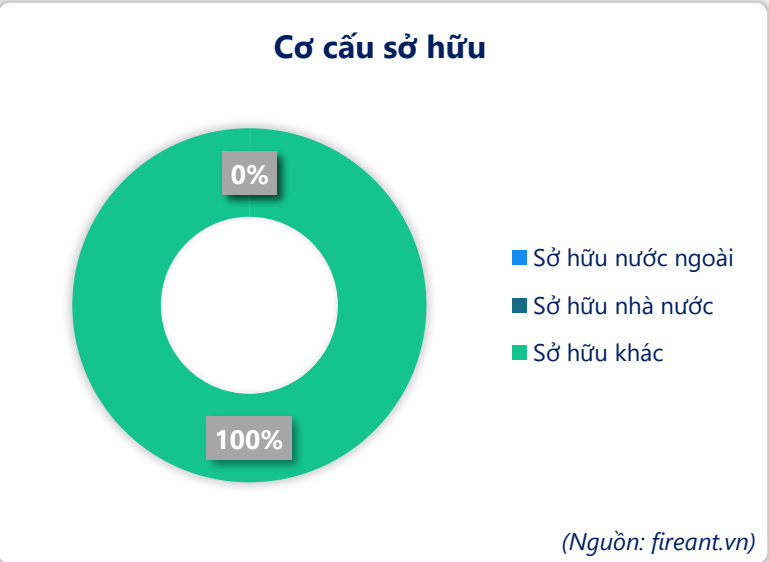
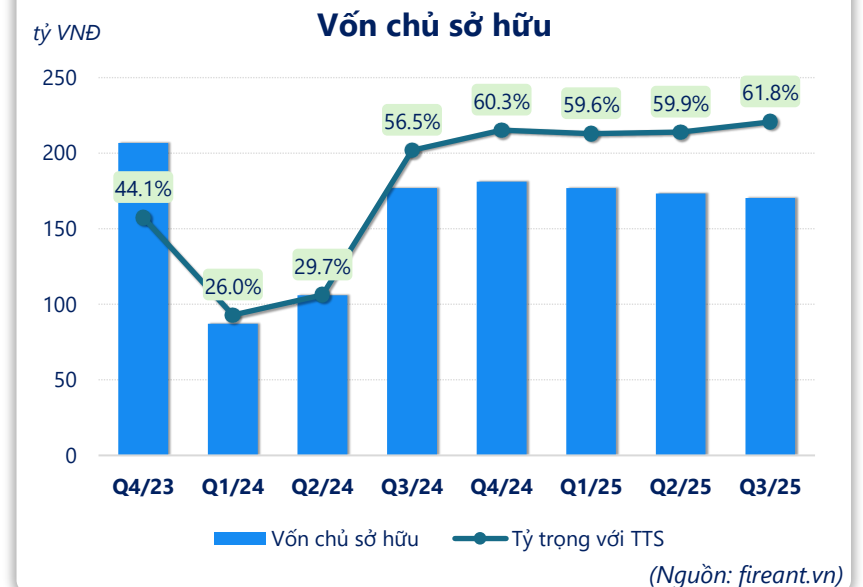
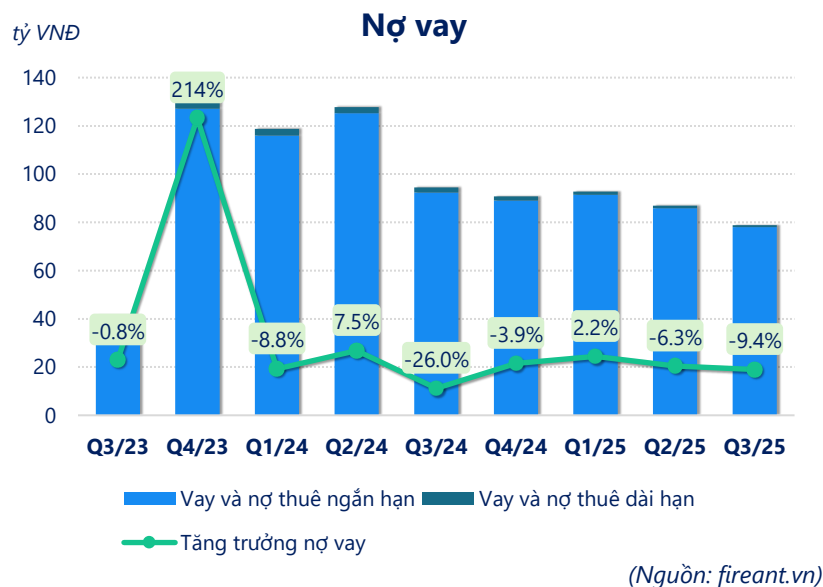
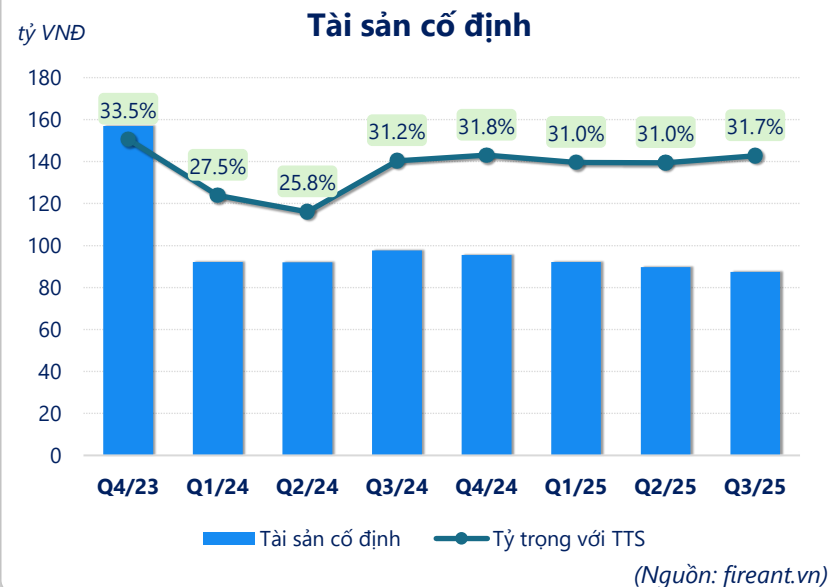
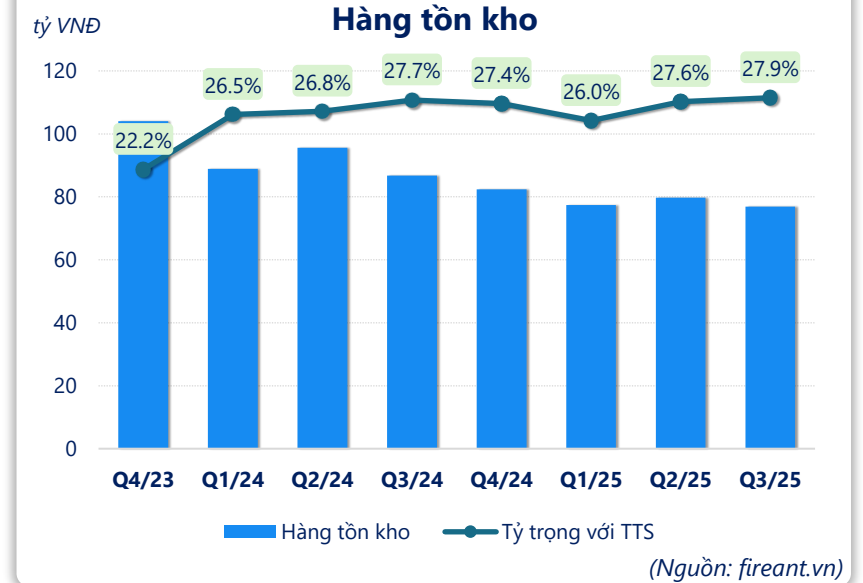
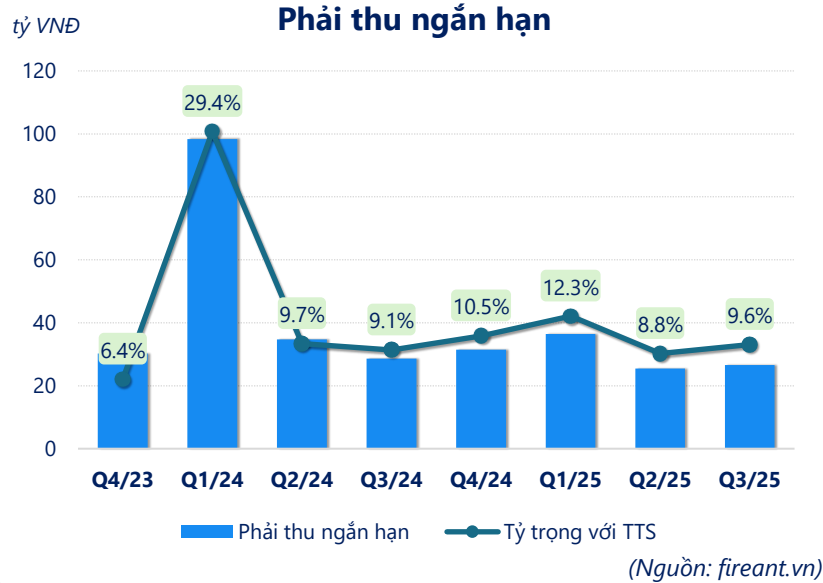
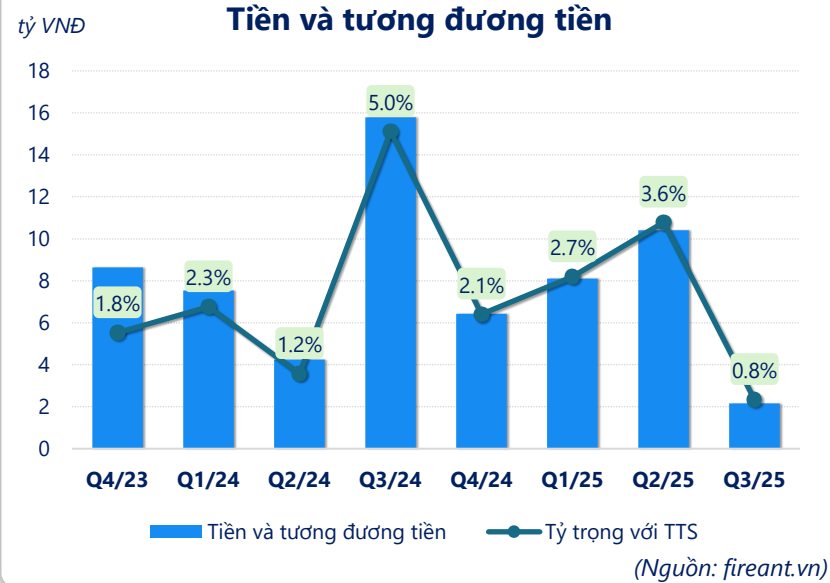
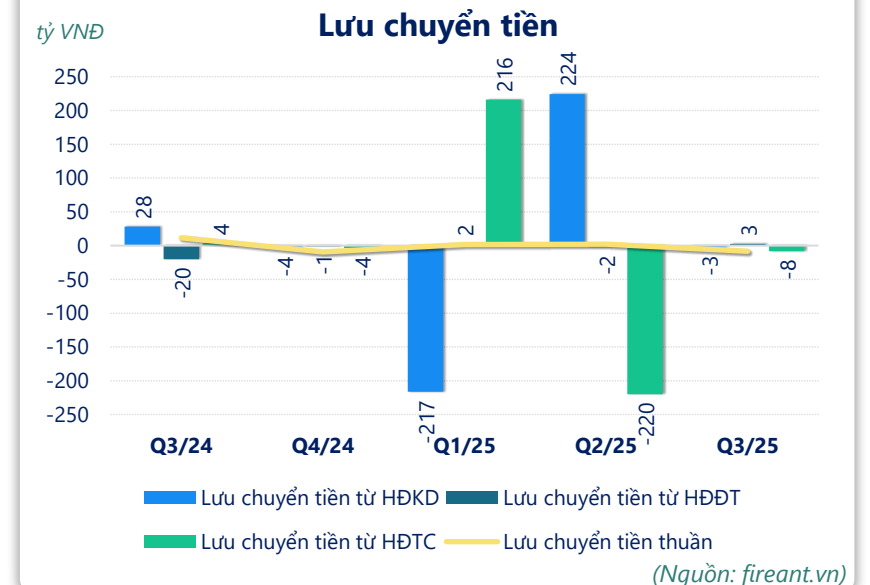
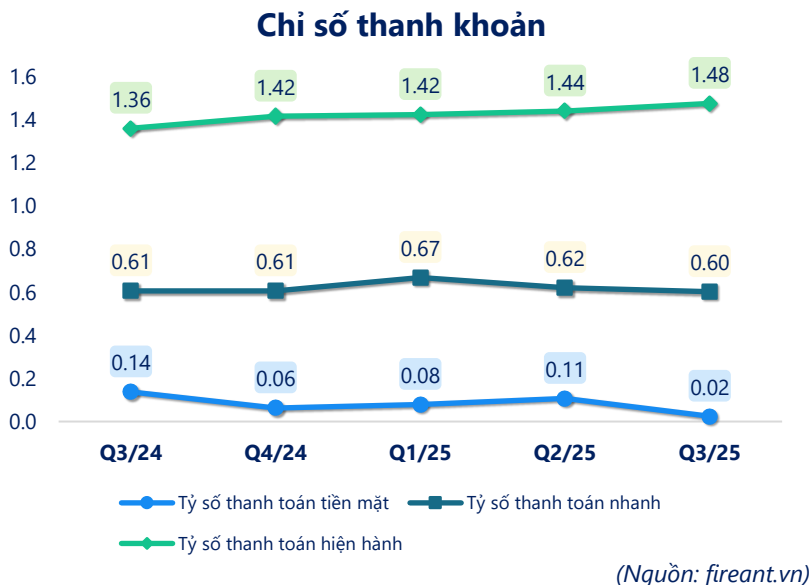
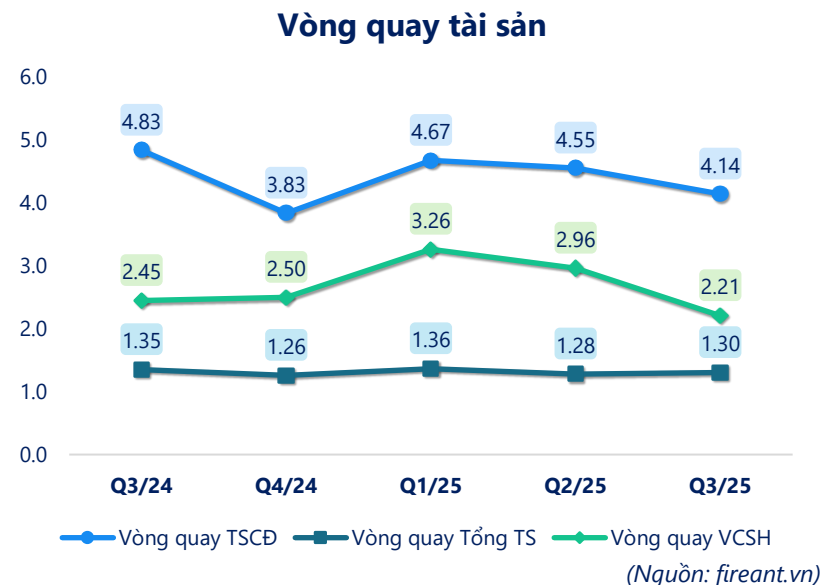
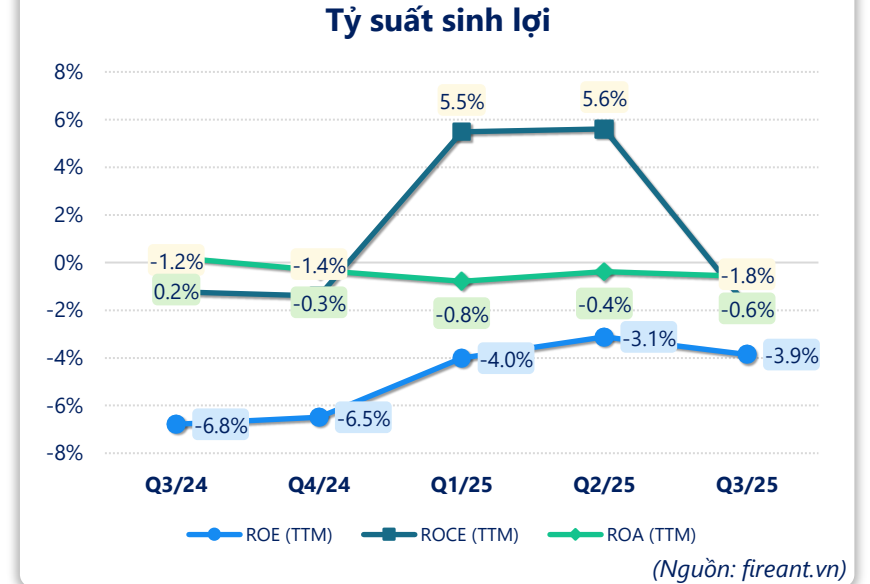
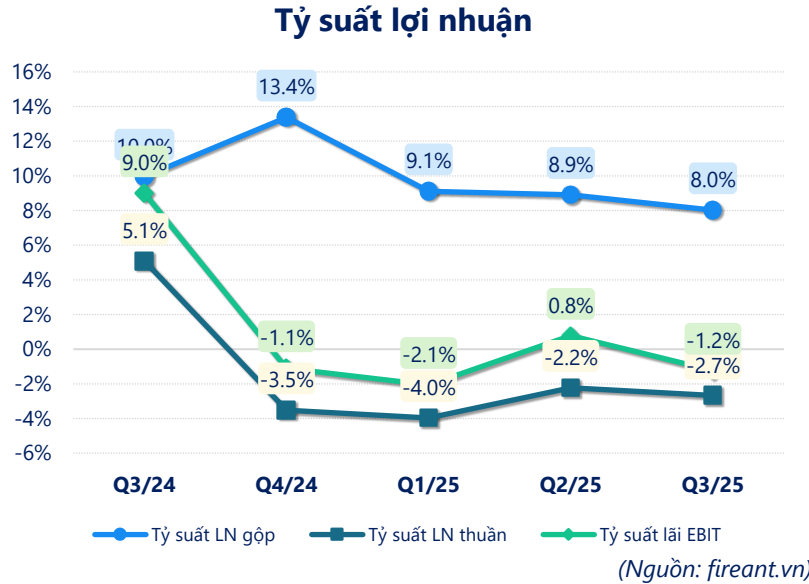
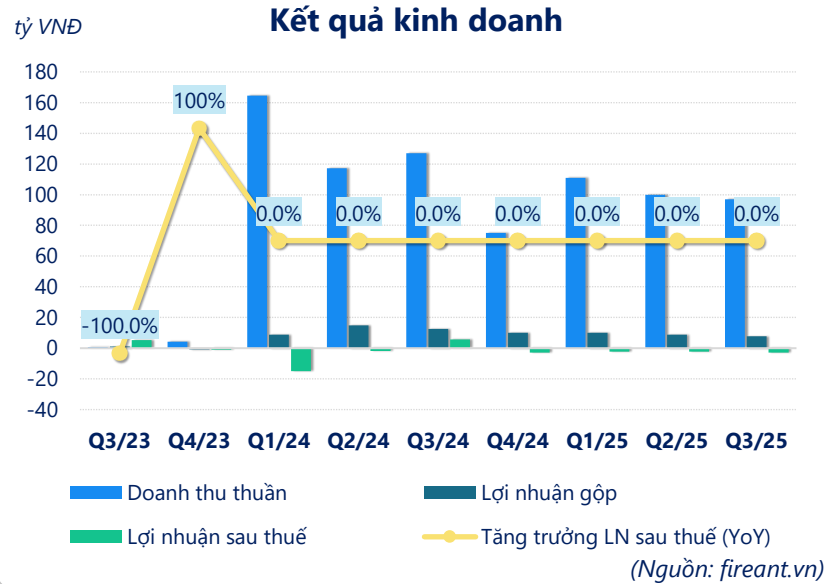


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		2,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,300
SL cổ phiếu LH		27,299,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		63
P/E		-9.4
EPS		-246

	YTD	1T	3T	6T
TGG	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	276	301	-8.2%
Tài sản ngắn hạn	130	144	-9.8%
Tiền và tương đương tiền	2.15	6.42	-66.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.5	17.2	1.4%
Phải thu ngắn hạn	26.6	31.4	-15.3%
Hàng tồn kho	76.8	82.4	-6.7%
Tài sản ngắn hạn khác	6.74	6.54	3.0%
Tài sản dài hạn	146	157	-6.8%
Phải thu dài hạn	1.20	1.26	-4.8%
Tài sản cố định	87.5	95.5	-8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	29.0	28.6	1.2%
Tài sản dài hạn khác	11.4	11.7	-2.1%
Lợi thế thương mại	16.8	19.5	-13.7%
Nợ phải trả	105	119	-11.8%
Nợ ngắn hạn	87.9	102	-13.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	78.0	89.0	-12.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.86	5.26	-7.6%
Nợ dài hạn	17.4	17.8	-2.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.78	1.75	-55.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	170	181	-5.9%
Vốn chủ sở hữu	170	181	-5.9%
Vốn điều lệ	273	273	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	127	75.2	111	99.9	96.9
Giá vốn hàng bán	114	65.1	101	91.0	89.2
Lợi nhuận gộp	12.7	10.1	10.1	8.90	7.78
Doanh thu HĐTC	0.01	0.79	0.02	0.70	0.46
Chi phí TC	4.50	-0.99	1.10	1.67	1.41
Chi phí lãi vay	4.50	1.50	0	2.77	1.41
LN trong công ty LKLD	0.06	0.04	0.10	0.04	0.03
Chi phí bán hàng	7.93	8.80	7.11	7.18	6.38
Chi phí QLDN	-6.18	5.72	6.44	3.01	3.07
LN thuần từ HĐKD	6.47	-2.65	-4.40	-2.22	-2.59
Lợi nhuận khác	0.46	0.32	2.12	0.23	-0.02
LN trước thuế	6.93	-2.33	-2.28	-1.99	-2.61
Lợi nhuận sau thuế	5.74	-2.81	-2.34	-2.18	-2.88
LNST của CĐ cty mẹ	0.62	-1.27	-2.48	-1.23	-1.72

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.0	-4.21	-217	224	-2.77
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.9	-1.42	2.02	-1.94	2.67
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.52	-3.73	216	-220	-8.16
Tiền đầu kỳ	4.25	15.8	6.42	8.10	10.4
Lưu chuyển tiền thuần	11.5	-9.36	1.68	2.30	-8.25
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.8	6.42	8.10	10.4	2.15

(Nguồn: fireant.vn)